

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 149/2018/HSPT
Ngày: 08-5-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyền

Ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2018/HSPT ngày 06/3/2018 đối với các bị cáo **Nguyễn Đình A, Phan Đức Đ** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đình A, sinh năm 1992, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Đình T, sinh năm 1958 và bà: Hồ Thị V, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đ áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh (vắng mặt).

2. Họ và tên: Phan Đức Đ, sinh năm 1986, tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; con ông: Phan Đức Đ (chết) và bà: Trần Thị X (chết); có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đ áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh (có mặt).

Ngoài ra, còn có bị cáo *Trần Văn G* không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Người bị hại: Anh Lê Quốc Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo quyết định trong bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; nội dung kháng cáo thì vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 15/9/2017, Nguyễn Đình A đến nhà Phan Đức Đ chơi và cùng uống rượu. Tại đây A rủ Đ lấy trộm bình ắc quy xe máy ủi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ T đang đậu tại bãi rác, thuộc tổ dân phố 17, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk bán lấy tiền tiêu xài. Đ đồng ý, sau đó lấy 01 típ sắt dài 50cm ở nhà mình đưa cho A dùng để phá khóa. Đến 19 giờ cùng ngày, A đi bộ mang theo típ sắt đến chỗ xe máy ủi phá khóa thùng xe rồi lấy 02 bình ắc quy hiệu Panasonic, đem đi cất giấu ở lô cà phê gần đó rồi đi về thông báo cho Đ biết, sợ bị phát hiện nên Đ nói A cùng đến khiêng 02 bình ắc quy trên về nhà Đ cất giấu.

Đến 13 giờ, ngày 19/9/2017, Đ điều khiển xe mô tô biển số 47M1-268.41 chở 02 bình ắc quy đến nhà Trần Văn G; nơi cư trú: thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk bán với giá 880.000 đồng, khi bán Đ nói rõ cho G biết 02 bình ắc quy là do A và Đ trộm cắp mà có, nhưng G vẫn đồng ý mua, số tiền trên Đ và A chia nhau mỗi người được 340.000 đồng. Sau khi mua xong 02 bình ắc quy trên G đem bán lại cho anh Nguyễn Hữu C, ở tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được số tiền là 1.100.000 đồng. Đến ngày 28/9/2017, Nguyễn Đình A, Phan Đức Đ bị Công an huyện Krông Pắc khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại Bản kết luận định giá tài sản, số 76/KL-ĐG ngày 22/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 02 bình ắc quy Panasonic N120A trị giá tại thời điểm là 3.760.000 đồng.

Tại bản án số 11/2018/HSST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Đình A và Phan Đức Đ.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình A, Phan Đức Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Đình A 07 (Bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày vào thi hành án.

- Bị cáo Phan Đức Đ 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày vào thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn G, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01 và ngày 07/2/2018, các bị cáo Phan Đức Đ, Nguyễn Đình A kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình A đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị cáo vắng mặt tại phiên tòa; xét việc vắng mặt của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng tới việc xét xử; căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Đức Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk luận tội, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; xét thấy việc kháng cáo của các bị cáo Phan Đức Đ, Nguyễn Đình A thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 233 BLTTHS 2015.

Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt 07 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Đình A mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo gây ra. Do đó, căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo A. Đối với hình phạt 06 tháng tù buộc cách ly bị cáo Phan Đức Đ ra khỏi xã hội là có phần nghiêm khắc; Bởi bị cáo Đ có nhân thân tốt và nơi cư trú ổn định, rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho người bị hại, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Đức Đ - sửa bản án sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Đ; căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ

sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Đức Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Phan Đức Đ tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận: khoảng 19 giờ, ngày 15/9/2017, các bị cáo Nguyễn Đình A, Phan Đức Đ có hành vi trộm cắp 02 bình ắc quy hiệu Panasonic N120A, trị giá là 3.760.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đình A, Phan Đức Đ về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ.

[2] Xét mức hình phạt 07 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Đình A, 06 tháng tù đối với bị cáo Phan Đức Đ mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử buộc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho người bị hại, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Xét thấy, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử là bất lợi cho các bị cáo so với Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017. Bởi Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, có mức hình phạt nhẹ hơn Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 của

Quốc hội, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình A, Phan Đức Đ – Sửa bản án sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đình A và Phan Đức Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2]. Xử phạt các bị cáo:

- Bị cáo **Nguyễn Đình A** 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm

- Bị cáo **Phan Đức Đ** 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình A cho UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Phan Đức Đ cho UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú được áp dụng theo khoản 1 Điều 69

Luật Thi hành án hình sự.

[3]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình A, Phan Đức Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- T.H.A hình sự Công an huyện Krông Pắc;
- UBND thị trấn P, huyện K;
- UBND xã H, huyện K;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Văn Toàn